

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÔNG HÌNH
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/HNGĐ-ST

Ngày 24/6/2020

“V/v Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG HÌNH, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Châu Kha

Các hội thẩm nhân dân: Ông Dương Tấn Lãnh và ông Ksor Y Thur.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bàn Thị Tiên - Thư ký Tòa án nhân dân (TAND) huyện Sông Hình, tỉnh Phú Yên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở TAND huyện Sông Hình, tỉnh Phú Yên. TAND huyện Sông Hình, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 46/2020/TLST-HNGĐ, ngày 23/4/2020 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/6/2020 của TAND huyện Sông Hình, tỉnh Phú Yên giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1977;

- *Bị đơn:* Ông Lê Quang T, sinh năm 1962;

Cùng địa chỉ: Thôn Vạn Giang, xã Sơn Giang, huyện Sông Hình, tỉnh Phú Yên. Đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 02 tháng 3 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị C (viết tắt là nguyên đơn) trình bày:

Về hôn nhân: Nguyên đơn và ông Lê Quang T (viết tắt là bị đơn) tự nguyện tìm hiểu và sống chung với nhau như vợ chồng vào năm 1995 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian chung sống với nhau nguyên đơn phải chịu nhiều thiệt thòi, thậm chí bị đánh đập; mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, hạnh phúc hôn nhân không đạt được. Vì vậy, xét thấy không thể tiếp tục chịu đựng thêm nữa nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bị đơn.

Về con chung: Có 03 con chung: Lê Thị Thùy T1, sinh ngày 02/9/1996

(đã thành niên), Lê Thị Thùy L, sinh ngày 30/01/2002 (đã thành niên) và Lê Thùy Hải L1, sinh ngày 10/8/2008. Đối với các con đã thành niên không yêu cầu Tòa giải quyết. Riêng Lê Thùy Hải L1 còn nhỏ và có nguyện vọng được ở với mẹ. Nguyên đơn cũng có nguyện vọng tiếp tục nuôi con và không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn trình bày: Thống nhất với trình bày của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân, con chung và tài sản chung. Quá trình chung sống cũng có nhiều mâu thuẫn và vợ chồng đã nhiều lần tự hòa giải để tiếp tục chung sống nhưng không đạt được. Nay nguyên đơn yêu cầu ly hôn bị đơn đồng ý. Về con chung, có 02 con đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết. Đối với con chưa thành niên có quyền quyết định nên con muốn ở với ai thì bị đơn thống nhất theo nguyện vọng của con, không ý kiến gì.

TAND huyện Sông Hình tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thống nhất đoàn tụ.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, con chung, tài sản chung; bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày thống nhất với nguyên đơn về ly hôn, con chung và tài sản chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua kiểm tra các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn với bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ là tranh chấp ly hôn. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại: Thôn Vạn Giang, xã Sơn Giang, huyện Sông Hình, tỉnh Phú Yên theo quy định khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, TAND huyện Sông Hình, tỉnh Phú Yên thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Nguyên đơn, bị đơn tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1995, không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật là vi phạm Điều 8 Luật hôn nhân gia đình năm 1986. Căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 3 Nghị Quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội thì quan hệ hôn nhân của nguyên đơn và bị đơn không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Căn cứ khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình không công nhận quan hệ giữa nguyên đơn và bị đơn là quan hệ vợ chồng và áp dụng Điều 15, 16 Luật hôn nhân gia đình để giải quyết con chung.

[3] Về con chung:

Nguyên đơn và bị đơn có 03 con chung: Lê Thị Thùy T1 sinh ngày 02/9/1996 (đã thành niên), Lê Thị Thùy L sinh ngày 30/01/2002 (đã thành niên) và Lê Thùy Hải L1 sinh ngày 10/8/2008, hiện các con đang sống với nguyên đơn. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn thống nhất tiếp tục giao con chưa thành niên cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con. Cháu Lê Thùy Hải L1 cũng có nguyện vọng được sống với mẹ nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Lê Thùy Hải L1 cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Đối với các con Lê Thị Thùy T1 và Lê Thị Thùy L đều đã thành niên và các đương sự không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xem xét.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí:

Nguyên đơn phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 16, khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa bà Nguyễn Thị C và ông Lê Quang T là quan hệ vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con chung Lê Thùy Hải L1, sinh ngày 10/8/2008 cho nguyên đơn Nguyễn Thị C trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi trưởng thành.

Ông Lê Quang T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về án phí: Nguyên đơn Nguyễn Thị C phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được tính trừ vào số tiền

tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại biên lai thu số 00115184 ngày 23/4/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện Sông Hinh;
- CCTHADS huyện Sông Hinh;
- UBND xã;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Bùi Châu Kha

